| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST<br>Ngày 24-7-2026<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Mai Thị Duyên

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Mai Phương- Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; số CCCD: 031184002677; nơi cư trú: Số G đường T, phường P, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*2. Bị đơn*: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1984; số CCCD: 036084019742; nơi cư trú: Số I khu T, TDP T, phường H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2026, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Q quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H nay là phường H, thành phố Hải Phòng vào ngày 10/9/2009.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2011, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q mải chơi không vun vén gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh Q sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị không thể hàn gắn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/10/2009. Từ ngày anh chị sống ly thân, cháu Quỳnh A do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu Tòa án giao cháu Quỳnh A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị làm lao động tự do với thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là anh Phạm Văn Q*: Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không gửi lời khai nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Q.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2011, anh chị phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/10/2009. Từ khi anh chị sống ly thân con chung ở với chị H. Cháu Quỳnh A có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị H, chị H có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung là cháu Quỳnh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Phạm Văn Q cư trú tại phường H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2011, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân nguyên nhân do anh Q không chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ đó đến nay, chị H và anh Q sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh chị không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn Q có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/10/2009. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu Quỳnh A do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con, chị H có đủ điều kiện nuôi con, cháu Quỳnh A có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung là cháu Quỳnh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002756 ngày 13/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Thị Duyên** **Nguyễn Văn Hiếu** **Nguyễn Thị Hằng**

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4- Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 4-Hải Phòng;
- UBND phường Hải An, TP. Hải Phòng (GCNKH số 82 ngày 10/9/2009 Thành Tô);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Thị Duyên** **Nguyễn Minh Hằng** **Nguyễn Thị Hằng**

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 20 ngày 03/4/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hằng**